

Số: 464/QĐ-UBND

Cẩm Mỹ, ngày 10 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai tình hình thực hiện
dự toán ngân sách 3 tháng đầu năm 2019 trên địa bàn huyện

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của HĐND huyện Cẩm Mỹ, về giao dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương, phân bổ chi ngân sách huyện và mức bổ sung ngân sách cấp dưới của huyện Cẩm Mỹ năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của HĐND huyện Cẩm Mỹ, về giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2019 của huyện Cẩm Mỹ;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính – KH tại Tờ trình số 27/TTr-TCKH ngày 08/04/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách 3 tháng đầu năm 2019 trên địa bàn huyện. (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện; Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc Kho bạc Nhà nước; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Phòng, Ban, Ngành, Đoàn thể huyện; UBND các xã tổ chức thực hiện quyết định này. *TW*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài Chính;
- Sở KH&ĐT;
- Huyện Ủy (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Như điều 3;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT-TH (các khối) *tau*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Văn Chiến



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN 3 THÁNG NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số **HGH** /QĐ-UBND ngày **10** /4/2019 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện 3 tháng	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN	131.020	42.365	32,33	151,51
I	Thu cân đối NSNN	131.020	42.365	32,33	151,51
1	Thu nội địa	131.020	42.365	32,33	151,51
2	Thu viện trợ			-	-
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			-	-
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	731.190	159.712	21,84	96,96
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	714.277	159.712	22,36	96,96
	<i>Trong đó</i>				
1	Chi đầu tư phát triển	144.756	32.717	22,60	75,24
2	Chi thường xuyên	555.184	126.995	22,87	104,74
3	Dự phòng ngân sách	14.337		0,00	-
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh		0	-	-

UỶ BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 3 THÁNG NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số **H6H** /QĐ-UBND ngày **10** /4/2019 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện 3 tháng	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	131.020	42.365	32,33	151,51
I	Thu nội địa	131.020	42.365	32,33	151,51
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước		507	-	213,03
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			-	-
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	32.500	12.000	36,92	179,18
4	Thuế thu nhập cá nhân	28.300	5.398	19,07	105,99
5	Thuế bảo vệ môi trường			-	-
6	Lệ phí trước bạ	52.000	17.124	32,93	176,63
7	Thu phí, lệ phí	4.000	1.416	35,40	141,32
8	Các khoản thu về nhà, đất	6.220	4.762	76,56	136,06
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		1	-	-
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	220	38	17,27	633,33
-	Thu tiền sử dụng đất	6.000	4.481	74,68	128,40
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước		242	-	6.050,00
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước			-	-
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết			-	-
10	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	963	200	20,77	111,11
11	Thu ngân sách khác	7.037	958	13,61	61,53
II	Thu viện trợ			-	-
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	89.013	28.099	31,57	150,29
1	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	56.940	17.221	30,24	158,57
2	Từ các khoản thu phân chia	32.073	10.878	33,92	138,82

UỶ BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN 3 THÁNG NĂM 2019
(Kèm theo Quyết định số **46H** /QĐ-UBND ngày **10** /4/2019 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện 3 tháng	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSNN HUYỆN	731.190	159.712	21,84	96,96
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	714.277	159.712	22,36	96,96
I	Chi đầu tư phát triển	144.756	32.717	22,60	75,24
1	Chi đầu tư cho các dự án	144.756	32.717	22,60	75,24
2	Chi đầu tư phát triển khác			-	-
II	Chi thường xuyên	555.184	126.995	22,87	104,74
	<i>Trong đó</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	298.483	71.761	24,04	103,49
2	Chi khoa học và công nghệ			-	-
3	Chi y tế, dân số và gia đình	3.350			-
4	Chi Văn hoá thông tin	2.040	662	32,45	106,77
5	Chi phát thanh, truyền hình	1.820	348	19,12	126,09
6	Chi thể dục thể thao	1.152	271	23,52	91,86
7	Chi bảo vệ môi trường	11.200	5.170	46,16	129,25
8	Chi hoạt động kinh tế	61.261	1.712	2,79	93,40
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	102.520	26.962	26,30	106,48
10	Chi bảo đảm xã hội	28.312	11.830	41,78	123,84
11	Chi khác	12.812	726	5,67	36,72
III	Dự phòng ngân sách	14.337			-
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN			-	-
1	Chương trình mục tiêu quốc gia			-	-
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư			-	-
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên			-	-